

Chương 3

LĂNG MỘ, NHÀ VÀ KHO BÁU

Quyên ngồi trong giảng đường nghe Giáo sư lên lớp về một chuyên đề Lịch sử kiến trúc cho học viên cao học.

Sau khi vẽ xong một sơ đồ 3 vòng tròn với những ký tự phức tạp, những mũi tên ngang dọc và ghi chú kín trên trên bảng, Giáo sư quay xuống lớp và nói:

- Suy cho cùng, kiến trúc của loài người chỉ gồm 3 loại: Kiến trúc lăng mộ, Kiến trúc nhà và Kiến trúc kho báu. Quần thể Kim tự tháp Giza, Ai Cập của thế giới cổ đại, hình thành vào những năm 3000 trước Công nguyên có lẽ là kiến trúc lăng mộ vĩ đại đầu tiên của loài người, gắn với đức tin rằng: Lăng mộ là con đường lên Trời, tới “*Vườn Thiên đàng*”. Sau này, có lẽ các vị hoàng đế nghĩ rằng: Hay là xây dựng luôn Thiên đàng trên trái đất, còn gọi là “*Vườn Địa đàng*” và mời luôn các vị thần thánh xuống cùng hưởng. Kiến trúc đền thờ ra đời. Cùng với đó là kiến trúc thành lũy, cung điện, pháo đài, dinh thự, biệt thự và phố thị.

Ông tiếp tục:

- Người ta nói, viết nhiều về hai loại kiến trúc trên song lại ít nói về Kiến trúc kho báu.

Lịch sử của loài người một phần gắn liền với của cải, Tranh đoạt của cải, Tạo lập của cải, Phân bố của cải và Giữ giữ của cải, theo cả hai nghĩa: Khát vọng và Dục vọng.

Kho báu hay kho châu báu là thuật ngữ dùng để chỉ những địa điểm cụ thể có chứa nhiều của cải có giá trị như vàng, bạc, kim cương, ngọc trai, đá quý... dưới dạng các trang sức, đồ trang trí, các vật phẩm xa xỉ, đồ vật quý hiếm.

Trong văn hóa, kho báu thường chỉ sự giàu có. Tìm kiếm kho báu là một chủ đề phổ biến trong truyền thuyết và trong văn học. Những tổ chức, người săn tìm kho báu hoàn toàn tồn tại trong thực tế. Họ luôn tìm kiếm và khi thành công trở nên giàu có.

Cất giữ kho báu là một phần quan trọng của tín ngưỡng dân gian gắn với những kẻ tìm kiếm, tranh đoạt kho báu và các vị thần canh giữ kho báu. Việc chôn cất kho báu luôn gắn liền với bản đồ kho báu, để người chôn cất quay lại lấy châu báu. Bản đồ kho báu là một dạng bản đồ đánh dấu vị trí kho báu được chôn vùi. Bí mật này luôn có giá trị.

Kiến trúc kho báu hay Kiến trúc công trình cất giữ của cải thường đòi hỏi kỹ thuật xây dựng công phu, tổ chức thực hiện cẩn thận, vì phải xây dựng dưới lòng núi, lòng đất và lòng hồ. Và đặc biệt là phải đảm bảo giữ bí mật từ thế hệ này sang thế hệ khác, đề phòng những kẻ cướp đoạt, song lại có thể lấy ra thuận lợi khi dùng đến.

Lăng mộ thường bị đào bới, vì những kẻ đào mộ cho rằng trong đó có nhiều của cải chôn cùng.

Giáo sư dừng lại nhìn học viên và nhìn Quyên. Quyên nghĩ ông biết chắc cô cũng như học viên trong lớp chưa thể nhận thức hết được những điều ông giảng.

Một học viên gio tay xin phép nói:

- Thưa thầy, tại Việt Nam, có thể khối lượng kho báu quá nhỏ bé nên loại kiến trúc này là không đáng kể so với quy mô các loại công trình kiến trúc khác.

Giáo sư hướng về học viên vừa hỏi và nói:

- Vậy chúng ta cùng xem kho báu một quốc gia to đến cỡ nào.

Ông bật máy chiếu lên màn hình trong giảng đường. Trên màn hình xuất hiện một vài hình ảnh Kinh thành Huế với những vòng thành được nhà Nguyễn xây dựng công phu và kiên cố.

Trên màn hình xuất hiện dòng chữ:

- Ngày 5/7/1885, quân đội Pháp tấn công kinh thành Huế, quân triều đình không giữ được thành. Quân Pháp tràn vào thành đốt phá và tàn sát hàng vạn dân lành; vào Đại Nội, đốt trụi trụ sở Bộ Lại, Bộ Binh và các kho thuốc súng, chia nhau chiếm giữ các kho tàng, cung điện, đền miếu; cướp đi nhiều của cải và báu vật.

- Một linh mục người Pháp, nhân chứng sự kiện này đã ghi lại: *“Kho tàng trong hoàng cung đã mất đi gần 24 triệu quan vàng và bạc... Cuộc cướp phá ấy kéo dài trong 2 tháng còn gây tai tiếng hơn cuộc cướp phá Cung điện Mùa Hè của Thanh Đế ở Bắc Kinh”*... Khi đối chiếu với bảng kiểm kê tài sản của hoàng gia, thì quân Pháp đã cướp *“228 viên kim cương, 266 món nữ trang có nạm kim cương, hạt trai, hạt ngọc, 271 đồ bằng vàng trong cung của bà Từ Dũ. Tại các tôn miếu thờ các vua... thì hầu hết các thứ có thể mang đi đều bị cướp”*.

- Quốc Sử quán triều Nguyễn ghi: *“Riêng tại Phủ Nội vụ ở tầng dưới cất giữ 91.424 thỏi bạc đỉnh 10 lạng, 78.960 thỏi bạc đỉnh 1 lạng; tầng trên cất giữ khoảng 500 lạng vàng, khoảng 700.000 lạng bạc; kho gần cửa Thọ Chỉ cất giữ 898 lạng vàng, 3.400 lạng bạc. Toàn bộ số vàng bạc này đã bị Pháp chiếm”*.

- Tướng chỉ huy cuộc tấn công vào kinh đô Huế, ngày 24/7/1885 đã gửi cho chính phủ Pháp một bức điện với nội dung: *“Trị giá phỏng chừng các quý vật bằng vàng hay bằng bạc giấu kỹ trong các hầm kín là 9 triệu quan. Đã khám phá thêm nhiều ấn tín và kim sách đáng giá bạc triệu. Xúc tiến rất khó khăn việc tập trung những kho tàng mỹ thuật. Cần cử sang đây một chiếc tàu cùng nhiều nhân viên thành thạo để mang về mọi thứ cùng với kho tàng”*.

Lớp học im lặng hoàn toàn. Quyên cũng đã đọc thông tin về thảm kịch thương xót và khó tha thứ này. Nhưng trước các biến động chính phụ của thời cuộc, Quyên đã thật sự để rơi vào

quên lãng. Trong không gian của lớp học này và những lời nhấn mạnh của thầy làm cho cô như bừng tỉnh lại.

Giáo sư tiếp tục:

- Nhà Nguyễn tồn tại từ năm 1802 - 1945. Từ năm 1802 đến năm 1885, khi kinh thành bị cướp phá, mới là 83 năm. Chưa đầy 100 năm, nhà Nguyễn đã tích được một số tài sản khổng lồ như vậy. Điều đáng tiếc là họ chỉ cất giữ tài sản đó vào các kho trong thành nội và kiên định cho đó là nơi cất giữ an toàn nhất. Họ chưa học được bài học của tiền nhân về Kiến trúc kho báu, là phải cất giữ để đề phòng mọi tình huống. Khi nhà Nguyễn bị cướp hết kho báu, nguồn lực tranh đấu cạn kiệt, thì việc đầu hàng nhục nhã và toàn diện trước người Pháp để lo lấy mạng sống là tất yếu. Của cải của quốc dân sau đó dâng hoàn toàn cho người Pháp định đoạt. Ngày 2/9/1945, khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thành lập. Ngân khố quốc gia hoàn toàn trống rỗng.

Một học viên ngập ngừng giơ tay xin có ý kiến:

- Vừa nãy thầy có nói rằng: Nhà Nguyễn không học được các bài học của tiền nhân về Kiến trúc kho báu. Vậy thật sự có các bài học đó?

- Trước khi trả lời câu hỏi của học viên này. Thầy muốn hỏi: Vào thời phong kiến, trước nhà Nguyễn, các em có cho rằng Việt Nam là một quốc gia giàu có không?

Một học viên lên tiếng:

- Thừa thầy, Việt Nam có thể là một cường quốc quân sự vì đã đánh thắng được nhiều thế lực ngoại xâm hùng mạnh. Nhưng, Việt Nam là một quốc gia giàu có, thì em chưa thật sự hiểu. Mà đo mức độ giàu có bằng cách nào. Chắc không phải là Tổng sản phẩm nội địa (GDP) để so sánh như bây giờ.

Giáo sư bật máy chiếu lên bảng. Trên bảng hiện ra dòng chữ lớn về nội dung trình chiếu: Thuế thân và sự tích tụ của cải thời kỳ phong kiến Việt Nam. Giáo sư nói:

- Vào thời phong kiến. Chữ phong kiến có nghĩa là cắt đất phong cho và đất đai là tài sản chủ yếu. Khác với thời bây giờ, là tiền bạc và công nghệ quyết định sự giàu có.

Thầy dừng lại để giảng giải và nói tiếp:

- Để có tiền nuôi bộ máy hành chính, nuôi quân đội, xây dựng và dự trữ quốc gia, chính quyền thu thuế của dân, gồm: Thuế thân, đóng bằng hiện vật hay hiện kim; Thuế sưu dịch, đóng bằng sức lao động; và các loại thuế khác. Trong đó thuế thân có vai trò chủ đạo.

Trong lịch sử phong kiến Việt Nam, thuế thân bắt đầu có từ nhà Lý. Trước đó, thuế thân của người Việt phải nộp cho nhà nước đô hộ phương Bắc. Mỗi người dân đều có một thẻ biên tên tuổi, hương quán để phục vụ cho việc thu thuế.

Thời nhà Lý, thuế thân được tính căn cứ theo số ruộng của mỗi người, ai không có ruộng không phải nộp. Vào thời Trần, vẫn theo lệ cũ, mỗi huyện có bao nhiêu ruộng thì nộp bao nhiêu vàng, bạc, tiền, lụa; không tính thêm số nhân đinh sinh ra và cũng không trừ bớt số người đã chết. Vào thời nhà Hồ, vẫn ổn định theo lệ cũ như thời Lý, Trần. Vào thời nhà Lê đã có sự thay đổi linh hoạt, đóng thuế theo suất đinh, không theo số ruộng mà theo đầu người, nộp bằng tiền. Xã hội chia thành nhiều loại người, mỗi loại có một quy định riêng về số tiền phải nộp. Thời nhà Nguyễn, ngoài thuế đinh còn bổ sung một số loại thuế khác, không chỉ thu theo loại người mà còn phân theo địa phương.

Máy chiếu di chuyển sang một sơ đồ mới, lại với những vòng tròn đầy ký tự và những đường mũi tên ngang dọc. Giáo sư giảng tiếp:

- Để phục vụ cho nội dung Kiến trúc kho báu, ta có thể đơn giản hóa thế này. Nếu coi một người dân làm ra được 9 đồng, thì họ sẽ chi tiêu như sau: 3 đồng nộp cho chính quyền trung ương để nuôi bộ máy hành chính quốc gia, quân đội, xây dựng

công trình quốc gia và dự trữ quốc gia; 3 đồng nộp cho chính quyền địa phương để nuôi bộ máy hành chính địa phương, dân binh, xây dựng công trình địa phương và dự trữ địa phương; 3 đồng giữ lại để lo cho gia đình, xây dựng nhà cửa và dự trữ cá nhân.

Chính quyền trung ương có một số tiền lớn nhất vì có 3 đồng của hàng triệu người; Chính quyền địa phương ít hơn vì có 3 đồng của hàng vạn người.

Tài sản của quốc gia chính là tài sản mà chính quyền trung ương có được. Trong thời bình, việc chi tiêu để nuôi bộ máy hành chính và quân đội chiếm 1/3, còn 2/3 dành cho xây dựng và dự trữ. Điều đó có nghĩa là với 3 đồng thuế (của hàng triệu người), chính quyền dành 2 đồng (của hàng triệu người) cho xây dựng và dự trữ.

Giáo sư tiếp lời:

- Từ đây bắt đầu liên quan đến chữ cần kiệm. Vị vua nào mà xây dựng nhiều cung điện, dinh thự với quy mô lộng lẫy, sẽ tiêu lạm vào tiền dự trữ. Vị vua nào tiết kiệm trong xây dựng có thể làm tăng nguồn dự trữ quốc gia, tích lũy được từ 1 đến 2 đồng (của hàng triệu người) trong tổng số 9 đồng (của hàng triệu người) trong toàn quốc gia.

- Thừa thầy, nhưng nước Việt ta có số dân không lớn.

Cậu học viên phản bác và cúi xuống đọc trong máy tính xách tay:

- Vào thế kỷ thứ X, dân số Đại Cồ Việt khoảng 3,5 triệu người; vào thế kỷ XV, dân số Đại Việt khoảng 8 triệu người. Vào đầu thế kỷ XIX, dân số Việt Nam khoảng 10 triệu người. Trong khi đó, vào thế kỷ thứ X, dân số nhà Tống, Trung Quốc đạt khoảng 32,5 triệu người; vào thế kỷ XIV, dân số nhà Minh đạt khoảng 75 triệu người; vào thế kỷ XVIII, dân số nhà Thanh

đạt khoảng 265 triệu người. Như vậy, dân số Trung Quốc gấp 10 - 20 lần ta. Cứ cho là năng suất lao động trong sản xuất nông nghiệp truyền thống bằng nhau và họ cũng có chính sách thu thuế như ta, vậy bao giờ ta mới kịp họ, chứ đừng nói đến việc trở thành cường quốc để họ e dè. Việc cần kiệm của ta phải hiệu quả như thế nào mới có thể sánh ngang với họ?

- Câu hỏi xác đáng và câu chuẩn bị câu hỏi cũng rất nhanh.

Giáo sư mỉm cười khen, di chuyển các trang trình chiếu trên màn hình và tiếp tục:

- Tại một số quốc gia, các vị vua đời sau thường đua tranh bỏ tiền của để xây dựng những công trình kiến trúc mới, đáng để xem, có thể cạnh tranh được với những gì vĩ đại nhất và tốt nhất của đời trước. Trong nhiều trường hợp, họ không chú ý gì đến nguồn lực quốc gia đã hầu như cạn kiệt và ăn lạm vào nguồn lực dự trữ. Vì cần tiền, họ sẵn sàng cướp đoạt thêm của cải chính đáng của địa phương và người dân. Đặc biệt là họ huy động quá nhiều nhân lực trong một thời gian dài, bỏ mặc sản xuất. Và kết quả thường theo đúng quy luật: Suy tàn và bị lịch sử phế bỏ.

Giáo sư nói tiếp:

- Người Việt Nam với số dân không lớn mà lại ở cạnh một cường quốc, vì vậy muốn độc lập bền vững chỉ có thể chọn con đường tiết kiệm để củng cố và gia tăng sức mạnh. Không còn đường nào khác. Có hai cách tiết kiệm.

Giáo sư dừng lại một lát và nói:

- Cách thứ nhất là tiết kiệm trong chi tiêu xây dựng:

Về quy mô, mật độ xây dựng theo thời gian: Cung điện, dinh thự xây dựng mới từ đời Lý đến đời Lê Trung Hưng của Đại Việt chỉ bằng một phần so với công trình cung điện của quốc gia phương Bắc.

Về chi phí nguồn lực: Cung điện, dinh thự và đình chùa của Đại Việt chủ yếu có quy mô nhỏ, bằng gỗ, màu sắc đơn giản, chỉ bằng một phần so với loại công trình tương tự được xây dựng bằng đá, gạch có chạm khắc công phu, trang trí màu sắc rực rỡ vừa tốn tiền và huy động quá nhiều nguồn nhân lực trong một thời gian dài như tại quốc gia phương Bắc và Vương quốc Chiêm Thành ở phương Nam.

Có nhiều nhà nghiên cứu kiến trúc của ta hiện nay còn thềm oán trách tiền nhân không để lại các cung điện kỳ vĩ, chùa đá chạm khắc tinh xảo, bảo tháp vươn cao tới mây xanh, tượng Phật lớn như gò núi. Họ nên thềm tự hào về điều tiết kiệm này.

- Có thể do ta không có đủ năng lực để làm to và làm lớn. Một học viên lên tiếng.

Giáo sư quay lại giải thích:

- Theo sử sách, kiến trúc sư người Việt tên Nguyễn An (mất năm 1453) là một trong những kiến trúc sư trưởng thiết kế Tử Cấm Thành Bắc Kinh, Trung Quốc. Những thế hệ kiến trúc sư này thừa năng lực để thiết kế các cung điện có quy mô lớn và tính phức tạp tương tự cho Đại Việt.

Giáo sư quay lại phía bảng, nhìn vào các dòng chữ và tiếp tục:

- Cách thứ hai là tiết kiệm từ đời này sang đời khác, tương tự như triết lý làm những điều tốt đẹp của vị Thánh bất tử thứ tư là Mẫu Liễu Hạnh đã lan truyền: *“Kiếp này làm điều tốt chưa xong, thì kiếp sau làm tiếp, nếu vẫn chưa xong, thì kiếp tới sau lại làm tiếp”*.

“Triết lý tiết kiệm” đã trở thành một trong những yếu tố đặc hữu của người Việt, hiếm quốc gia nào có được. Những ai, kể cả vua, làm ngược với triết lý này đều đi đến thất bại. Như Hồ Quý Ly với việc di dời Kinh đô từ Thăng Long về quê hương Thanh Hóa, gọi kinh đô mới là Tây đô. Tại đây, Hồ Quý Ly cho dựng một hoàng cung bề thế với tường thành bao quanh bằng

đá, còn gọi là Thành nhà Hồ. Thành đá được xây cầu kỳ theo kiểu công nghệ không cần vữa và huy động một khối lượng lớn nhân lực. Song người dân không ủng hộ. Có đôi rồng đá trước thềm chính điện cũng bị ai đó chặt đầu mang đi mất. Ngay sau đó, nhà Hồ suy tàn.

Hướng xuống cậu học viên ra câu hỏi, Giáo sư nói:

- Vậy, nếu dân tộc ta, từ trên xuống dưới đồng lòng tiết kiệm không phải chỉ trong một vài chục năm của một đời vua, mà trong vòng 800 năm, từ nhà Lý vào thế kỷ thứ X đến nhà Lê Trung Hưng vào thế kỷ XVIII, gấp 10 lần so với thời gian Nhà Nguyễn tích trữ của cải và bị người Pháp lấy mất, thì liệu ta đã có một nguồn lực đủ lớn hay chưa?

- Thưa thầy, nếu vậy thì cũng là rất lớn ạ.

- Đủ để cường quốc phương Bắc phải e dè và đủ mạnh để mở mang bờ cõi về phương Nam. Chỉ người châu Âu là chưa hiểu. Khi người Pháp đến đây. Họ cũng nghiên cứu nhiều về Việt Nam và thậm chí cho rằng: Người Việt hơn hẳn những người xung quanh; Không một dân tộc nào ở Đông Ấn (Nam và Đông Nam Á) có đức tính như người Việt, chỉ người Nhật mới tương đương và cả hai đều thông minh, cần mẫn và can đảm. Thế tại sao người Pháp lại không ngại điểm mạnh của người Việt mà vẫn đưa quân đội đến đây tàn sát, cướp phá và đô hộ? Có lẽ, người Pháp cho rằng: Đó chỉ là điểm mạnh mang tính con người hay cá nhân. Việt Nam là một quốc gia nghèo cả về vật chất cùng văn hóa và sẽ bị Đế chế Pháp đè bẹp. Họ chưa kịp nghiên cứu về sức mạnh quốc gia mang tính thần bí của dân tộc Việt. Và họ đã phải trả giá. Người Việt đã đánh bại người Pháp và bắt hơn 1 vạn tù binh thiện chiến trong Chiến dịch Điện Biên Phủ vào năm 1954. Người Mỹ sau đó cũng lại mắc vào bài học tương tự.

Thầy tiếp tục:

- Nhiều người cho rằng có một cách thứ ba để tạo lập của cải là tranh đoạt tại phương Nam. Năm 982, Lê Hoàn thân chinh làm tướng và chiến thắng, thu được vàng bạc châu báu kể hàng vạn. Các đời sau tiếp tục như vậy cho đến khi dải đất phương Nam thống nhất. Song, những của cải này, ngoài việc dành để xây dựng hoàng cung, đền chùa, còn lại phân chia cho tướng lĩnh và quan lại, không để dự trữ.

Thầy gõ kính mắt xuống rồi nói tiếp:

- Vậy, tại Việt Nam, ý nghĩa của những truyền thuyết thần bí về Kho báu quốc gia là gì?

Người dân không nghĩ về hoàng cung của vua; không nghĩ về dinh thự của quan; không nghĩ về ngôi chùa của thiền sư; tất cả như một vùng cấm, trừ khi những công trình đó làm hao mòn sức dân. Nhưng bất kỳ người dân nào cũng cảm thấy được quyền mơ ước, suy nghĩ và thích thú khi lan truyền với nhau trong cộng đồng về Kho báu quốc gia.

Việc thừa nhận kho báu không phải là điều an ủi khi quốc gia còn nghèo, mà đó còn là sứ mạng tiếp nối những truyền thuyết văn hóa nhiều đời của tiền nhân.

Việc thừa nhận kho báu không phải là sự cực đoan theo kiểu hoang truyền quá mức về kho báu như sứ mệnh và thời thế; cũng không phải là kiểu kích động sự thua thiệt hay hứa hẹn đổi đời và giải quyết xung đột xã hội cho tầng lớp người còn sống dưới mức nghèo khổ.

Đối với thầy, truyền thuyết về Kho báu của người Việt là một trong những yếu tố tiền đề hay tác nhân văn hóa, đồng hành, hỗ trợ và kết nối tiền nhân với từng con người Việt thông minh, cần mẫn và can đảm. Giúp họ vượt lên trên những suy nghĩ cá nhân tầm thường hàng ngày, duy trì trong tâm thức những điều cao quý, bất kể bí mật Kho báu quốc gia đó họ có được chứng kiến một lần trong cuộc đời hay không.

Chuông báo hết giờ vang lên.

Giáo sư nói:

- Buổi học tuần sau sẽ tiếp tục là bài giảng về Kho báu của người Việt.